

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân

1) Ông Vũ Minh Long

2) Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 246/2024/HSST, ngày 06 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N.Đ.Đ**, sinh năm 2002 tại tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT: Thôn B, xã Đ, Thị xã T, Tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông N.V.H, sinh năm 1979 và bà V.T.H, sinh năm 1981; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 570 lập ngày 20/11/2024 tại Công an huyện Gia Lâm và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/10/2024, đến ngày 30/10/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Gia Lâm.

(Bị cáo có mặt ở điểm cầu trực tuyến tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội)

- Người bị hại: Anh ĐHQ, sinh năm 2005; ĐKKTT: Tổ 10 khu 4, phường B1, thành phố H, tỉnh Q. Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 1717 Tòa S205 KĐT V, xã Đ1, huyện G, thành phố H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh TTT, Sinh năm 1990; HKTT: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

+ Ông NVH, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn B2, xã Đ2, huyện T1, tỉnh B1
Anh Q, anh T, ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/10/2024, Công an xã Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội tiếp nhận đơn trình báo của anh ĐHQ (sinh năm 2005, thường trú tại Tổ 10 khu 4, phường B1, thành phố H, tỉnh Q) về việc ngày 12/10/2024, tại Căn hộ 1717 Tòa S205 KĐT V, xã Đ1, huyện G, thành phố H., anh Q bị N.Đ.Đ trộm cắp 01 máy tính Laptop, màu đen, nhãn hiệu GIGABYTE G5; 01 (một) sạc pin Laptop; 01 (một) căn cước công dân số 022205000759; 01(một) ba lô màu trắng nhãn hiệu TREND OF THEERONTIER, tổng trị giá khoảng 16.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng giữa tháng 8 năm 2024, qua tìm hiểu trên mạng xã hội, Đ đã liên hệ với anh ĐHQ (sinh năm 2005, HKTT: Tổ 10 khu 4, phường B1, thành phố H, tỉnh Q) để thuê nhà. Sau đó Đại dọn đến Căn hộ 1717 Tòa S205 KĐT V, xã Đ1, huyện G, thành phố H. ở ghép cùng Q và chị T.T.T1 (sinh năm 2002, thường trú tại: xã T3, huyện L, tỉnh B3) và anh HXT (sinh năm 2001, thường trú: thôn C, huyện M, huyện L, tỉnh B3). Do bản thân Đ là người không có công ăn việc làm ổn định và có nợ tiền một số người bên ngoài xã hội nên ngày 12/10/2024, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc Laptop của anh Q đem đi bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 21 giờ 43 phút ngày 12/10/2024, khi chỉ có một mình Đ ở phòng, Đ đã lén lút lấy chiếc Laptop của anh Q đang để trên bàn làm việc tại phòng khách cho vào ba lô mang ra khỏi căn hộ. Đ lo sợ việc bị anh T và chị T1 phát hiện nên đi vào thang máy phòng cháy chữa cháy xuống tầng hầm tòa S2.05 tìm lối lên sảnh tòa S2.03. Sau khi lên được sảnh tòa S2.03, Đ đi bộ về phía nhà xe nổi ngòai tìm nơi để bán chiếc Laptop vừa trộm cắp được. Sau đó, Đ đem bán chiếc Laptop vừa chiếm đoạt được cho TTT (sinh năm 1990, thường trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện G, thành phố H) với giá 10.500.000 đồng. Lúc này, Đ phát hiện bên trong ba lô của anh Q còn có căn cước công dân mang tên anh ĐHQ. Thấy vậy, Đại mang theo căn cước công dân và ba lô của anh Q theo người. Bán xong, Đ đi lang thang đến ngày 27/10/2024, biết tin Công an xã Đ đang tiến hành kiểm tra xác minh vụ việc, Đại đã đến Cơ quan công an xin đầu thú và khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp tài sản

như đã nêu trên. Lời khai của N.Đ.Đ là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của N.Đ.Đ: 01 (một) ba lô nhãn hiệu TREND OF THEERONTIER màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) căn cước công dân số 022205000759 mang tên ĐHQ.

Vật chứng thu giữ của anh TTT: 01 (một) chiếc máy tính Laptop, màu đen, nhãn hiệu GIGABYTE Gaming G5 đã qua sử dụng; 01 (một) sạc pin Laptop.

Tại bản kết luận giám định định giá tài sản số 255/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lâm kết luận: 01 (một) chiếc máy tính Laptop màu đen, nhãn hiệu GIGABYTE G5 (GE-51VN263SH I5-1250H, 8Gb, 512GB SSD, 15,6” FHD, RTX 3050 4Gb, Win 11) đã qua sử dụng, mua tháng 9 năm 2023 trị giá 15.000.000 đồng; 01 (sạc) máy tính Laptop, màu đen, LITEON 150.0W, đã qua sử dụng, mua tháng 9 năm 2023 trị giá 150.000 đồng; 01 (một) ba lô nhãn hiệu TREND OF THEERONTIER, màu trắng đã qua sử dụng mua tháng 9 năm 2023 trị giá 0 đồng. Tổng cộng: 15.150.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 249/CT-VKSGL ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm đã truy tố bị cáo N.Đ.Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo N.Đ.Đ khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo, người bị hại, và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng, trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt N.Đ.Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N.Đ.Đ cho UBND xã Đ, Thị xã T, Tỉnh N quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì phần dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì do vậy không xem xét giải quyết.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo N.Đ.Đ sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, bị cáo thừa nhận hành vi Trộm cắp tài sản của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Gia Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 43 phút ngày 12/10/2024, Căn hộ 1717 Tòa S205 KĐT V, xã Đ1, huyện G, thành phố H., bị cáo N.Đ.Đ đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc máy tính Laptop màu đen nhãn hiệu GIGABYTE Gaming G5, 01 (một) sạc pin Laptop, 01 (một) căn cước công dân số 022205000759, 01 (một) ba lô màu trắng nhãn hiệu TREND OF THEERONTIER có tổng trị giá 15.150.000 đồng của anh Đặng Hồng Quân.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút lấy 01 (một) chiếc máy Laptop kèm sạc pin của máy tổng trị giá 15.150.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã truy tố và kết luận bị cáo N.Đ.Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo cũng đã tác động đến gia đình nhờ người thân đứng ra bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú về hành vi của mình, vì vậy bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn. Thấy bị cáo N.Đ.Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với những người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhằm tạo điều kiện để bị cáo làm người có ích cho xã hội, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giáo dục là đủ. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc bị cáo hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không ai có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông NVH, là bố của bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường cho anh TTT số tiền 10.500.000 đồng mà anh T đã bỏ ra để mua chiếc máy tính của bị cáo Đ trộm cắp được thay cho bị cáo, ông H không yêu cầu bị cáo Đại phải trả lại cho ông Hường số tiền trên, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Không.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh TTT, khi mua chiếc máy tính trên của Đại, anh Tú không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có. Anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc máy tính trên cho Cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Do vậy, Cơ quan CSĐT huyện Gia Lâm không đặt vấn đề xử lý đối với anh TTT là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo N.Đ.Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 30, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt bị cáo N.Đ.Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/12/2024.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo N.Đ.Đ đang bị tạm giam nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo N.Đ.Đ cho UBND xã Đ, Thị xã T, Tỉnh N quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

2. Về dân sự: Không.

3. Xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú
(thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm
- TAND Thành phố Hà Nội,
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP Hà Nội;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm
- Sở Tư Pháp thành phố Hà Nội
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc